TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN N, TỈNH N

Án số: 16/2022/HNGĐ-ST
Ngày 21 - 02 - 2022
V/v chị H xin ly hôn anh D

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN N, TỈNH N

- ***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có***

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Trần Xuân Dũng

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Dương Thị Vui

2. Ông Lê Văn Chỉnh

- ***Thư ký phiên toà***: Ông Trần Trọng Ích - Thư ký Toà án nhân dân huyện N, tỉnh N.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện N, tỉnh N tham gia phiên tòa***: Bà Hồ Thị Hồng Gấm - Kiểm sát viên.

Ngày 21 tháng 02 năm 2022 tại trụ sở Toà án nhân dân huyện N mở phiên toà xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 147/2021/TLST-HNGĐ ngày 12 tháng 10 năm 2021. Về vụ án xin ly hôn, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 76/2021/QĐXXST-DS ngày 17 tháng 12 năm 2021, Quyết định hoãn phiên toà số: 50/2021/QĐST-HNGĐ ngày 31 tháng 12 năm 2021, Quyết định hoãn phiên toà số: 03/2021/QĐST-HNGĐ ngày 21 tháng 01 năm 2022, giữa:

+ Nguyên đơn: Chị Trịnh Thị H - Sinh năm 1990

Địa chỉ: Thôn Sa Hạ, xã H, huyện N, tỉnh N.

+ Bị đơn: Anh Đoàn Ngọc D - Sinh năm 1982

Địa chỉ: Thôn Sa Hạ, xã H, huyện N, tỉnh N.

Tại phiên tòa có mặt chị H, vắng mặt anh D.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Trong đơn khởi kiện lập ngày 02/10/2021 cũng như lời khai của chị Trịnh Thị H trong quá trình giải quyết trình bày: Chị kết hôn với anh Đoàn Ngọc D vào tháng 12/2007, trên cơ sở tự nguyện, đăng ký kết hôn tại UBND xã H, huyện N, tỉnh N. Sau khi kết hôn, vợ chồng chị chung sống hòa thuận, hạnh phúc đến đầu năm 2008 thì mâu thuẫn vợ chồng phát sinh, nguyên nhân là do hai bên bất đồng quan điểm trong

cuộc sống nên vợ chồng thường xảy ra cãi chửi nhau. Đã nhiều lần hai bên gia đình khuyên giải nhưng quan hệ tình cảm vợ chồng giữa chị và anh D không được cải thiện. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng giữa chị và anh D không còn nên chị xin được ly hôn anh Đoàn Ngọc D. Về con chung giữa chị và anh Đoàn Ngọc D có hai con chung là Đoàn Trịnh Phương A sinh ngày 03/5/2008 và Đoàn Tiến Dũng sinh ngày 29/10/2012, hiện cháu Đoàn Trịnh Phương A đang do chị nuôi dưỡng còn cháu Đoàn Trịnh Anh D đang do anh D nuôi dưỡng. Nay chị xin được trực tiếp nuôi dưỡng cháu Anh còn cháu Dũng để anh D trực tiếp nuôi dưỡng. Không bên nào phải cấp dưỡng nuôi con chung. Về tài sản chung giữa chị và anh Đoàn Ngọc D thì chị không yêu cầu giải quyết. Về án phí dân sự sơ thẩm, chị đề nghị giải quyết theo quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa anh Đoàn Ngọc D vắng mặt nhưng anh D có lời khai trong quá trình giải quyết trình bày đúng như lời khai của chị Trịnh Thị H về quá trình kết hôn và sống chung giữa anh và chị H. Sau khi kết hôn, anh và chị H chung sống hòa thuận, không có mâu thuẫn gì lớn. Từ đầu năm 2021 chị H vào Miền nam làm kinh tế đến tháng 7/2021 trở về và đòi ly hôn anh. Theo anh thì có thể chị H có tình cảm với người khác nên anh đã khuyên giải nhưng chị H không thay đổi mà bỏ hai con lại cho anh và về ở nhà bố mẹ đẻ. Anh xác nhận trước đây anh và chị H có mâu thuẫn là do anh đôi khi không làm chủ được nên anh có đánh chửi chị H. Nay chị H xin ly hôn anh thì anh không muốn ly hôn vì anh muốn các con có cả bố và mẹ. Nếu chị H nhất quyết xin ly hôn anh là tuỳ chị H. Về con chung giữa anh và chị Trịnh Thị H có hai con chung là Đoàn Trịnh Phương A sinh ngày 03/5/2008 và Đoàn Trịnh Anh D sinh ngày 29/10/2012. Nếu phải ly hôn thì anh xin nhận trực tiếp nuôi dưỡng cháu Phương A và cháu D và anh không yêu cầu chị H phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng anh. Về tài sản chung giữa anh và chị Trịnh Thị H thì anh không yêu cầu giải quyết. Về án phí dân sự sơ thẩm, anh đề nghị giải quyết theo quy định của pháp luật.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện N tham gia phiên toà phát biểu ý kiến: Về tố tụng, qua kiểm sát việc giải quyết vụ án từ khi thụ lý đến xét xử tại phiên toà hôm nay Thẩm Phán thụ lý giải quyết cũng như Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự. Về nội dung, đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 56; 81; 82 và 83 Luật hôn nhân và gia đình và Điều 147 Bộ luật Tố tụng Dân sự; Điều 6; 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội: xử ly hôn giữa chị Trịnh Thị H và anh Đoàn Ngọc D. Về con chung: giao cháu Đoàn Trịnh Phương A sinh ngày 03/5/2008 cho chị H trực tiếp nuôi dưỡng; giao cháu Đoàn Trịnh Anh D sinh ngày 29/10/2012 cho anh D trực tiếp nuôi dưỡng. Không bên nào phải cấp dưỡng nuôi con chung. Về án phí dân sự sơ thẩm, đề nghị Hội đồng xét xử tuyên chị H phải nộp theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên Toà, căn cứ vào lời trình bày của đương sự và trên cơ sở tranh luận tại phiên tòa Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Anh Đoàn Ngọc D và chị Trịnh Thị H đều cư trú tại xã H, huyện N, tỉnh N, nay chị H có đơn xin ly hôn anh D và Tòa án nhân dân huyện Nghĩa Hưng thụ lý giải quyết vụ án là phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 28; khoản 1 Điều 35; khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng Dân sự. Tại phiên tòa anh Đoàn Ngọc D vắng mặt nhưng anh D đã được Tòa án tống đạt hợp lệ giấy triệu tập phiên toà lần thứ hai vì vậy Tòa án nhân dân huyện N tiến hành xét xử vắng mặt anh D là có căn cứ và phù hợp với quy định tại khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng Dân sự.

[2] Về nội dung: Cuộc hôn nhân giữa chị Trịnh Thị H và anh Đoàn Ngọc D được tổ chức kết hôn vào tháng 12/2007, trên cơ sở tự nguyện, đăng ký kết hôn tại UBND xã H, là một hôn nhân tự do, tiến bộ và có đủ các điều kiện theo quy định của pháp luật. Sau khi kết hôn, chị H và anh D chung sống hòa thuận, hạnh phúc được thời gian ngắn đã phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân chính là do hai bên không hợp tính nhau nên trong cuộc sống vợ chồng thường xảy ra cãi chửi nhau. Đã nhiều lần hai bên gia đình hai khuyên giải nhưng quan hệ tình cảm vợ chồng giữa chị H và anh D không được cải thiện. Từ tháng 4/2021 đến nay chị H và anh D sống ly thân nhau. Trên thực tế mâu thuẫn vợ chồng giữa chị H và anh D đã kéo dài và ngày một trầm trọng, hôn nhân đã tan vỡ, nay chị H xin được ly hôn anh D nên chấp nhận là phù hợp.

[3] Về con chung: Chị Trịnh Thị H và anh Đoàn Ngọc D có hai con chung là Đoàn Trịnh Phương A sinh ngày 03/5/2008 và Đoàn Trịnh Anh D sinh ngày 29/10/2012, hiện chị H đang nuôi dưỡng cháu Đoàn Trịnh Phương A, còn cháu Đoàn Trịnh Anh D đang do anh D nuôi dưỡng. Nay chị H và anh D đều có nguyện vọng được nuôi dưỡng con chung và hai bên đều có đủ điều kiện để nuôi dưỡng các con chung. Xét yêu cầu của chị H xin được trực tiếp nuôi dưỡng cháu Đoàn Trịnh Phương A còn cháu Đoàn Trịnh Anh D để anh D nuôi dưỡng và không bên nào phải cấp dưỡng nuôi con chung thấy phù hợp điều kiện của chị H, anh D và cũng là phù hợp với nguyện vọng của cháu Phương A và cháu D nên chấp nhận.

[4] Về tài sản chung: Chị Trịnh Thị H và anh Đoàn Ngọc D đều không yêu cầu Tòa án giải quyết về tài sản chung của anh chị nên không đặt ra xem xét giải quyết.

[5] Về án phí dân sự sơ thẩm, chị Trịnh Thị H phải nộp theo quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

[6] Thấy đề nghị của Viện kiểm sát nhân dân huyện N về việc giải quyết vụ án là phù hợp.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ các Điều 56; 81; 82 và 83 Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ các Điều 147; 271 và 273 Bộ luật Tố tụng Dân sự;

Căn cứ các Điều 6; 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

1- Xử ly hôn giữa chị Trịnh Thị H và anh Đoàn Ngọc D.

2- Về con chung: Giao cháu Đoàn Trịnh Phương A sinh ngày 03/5/2008 cho chị Trịnh Thị H trực tiếp nuôi dưỡng (hiện cháu Đoàn Trịnh Phương A đang do chị Trịnh Thị H chăm sóc, nuôi dưỡng). Giao cháu Đoàn Trịnh Anh D sinh ngày 29/10/2012 cho anh Đoàn Ngọc D trực tiếp nuôi dưỡng (hiện cháu Đoàn Trịnh Anh D đang do anh Đoàn Ngọc D chăm sóc, nuôi dưỡng). Không bên nào phải cấp dưỡng nuôi con chung. Không ai được ngăn cản quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục và nuôi dưỡng con chung.

3- Án phí dân sự sơ thẩm, chị Trịnh Thị H phải nộp 300.000 đồng nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm chị Trịnh Thị H đã nộp 300.000 đồng theo biên lai số 0000609 ngày 12/10/2021 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện N. Chị Trịnh Thị H đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

Án xử công khai sơ thẩm có mặt chị H, vắng mặt anh D. Báo cho người có mặt biết có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, người vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án.

Trong trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án và người phải thi hành án có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6; 7; 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ

(Đã ký)

Trần Xuân Dũng

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- TAND tỉnh N;
- VKSND H N;
- Chi cục THADS H N;
- UBND xã H;
- Lưu hồ sơ.